

TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC HIỆN NAY

TS TRINH THỊ PHƯƠNG OANH

Trường Đại học Luật Hà Nội

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những tiêu chí để đánh giá sự phát triển của một xã hội. Chất lượng nguồn nhân lực tốt hay xấu lại phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó chính sách đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn lực con người của nhà nước đó. Sinh thời, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến yếu tố con người, bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng nguồn lực con người cho xã hội. Những quan điểm về con người, bồi dưỡng, phát triển thể hệ cách mạng cho đời sau được thể hiện tập trung trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Bài viết tập trung nghiên cứu việc vận dụng tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực hiện nay ở Việt Nam.

1. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của mọi cuộc cách mạng. Chữ “người” được Hồ Chí Minh cắt nghĩa: “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bạn bè. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người”¹.

Từ thực tiễn xã hội Việt Nam, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin, Hồ Chí Minh đã luận chứng một cách khoa học mục tiêu phát triển con người chỉ có thể đạt được thông qua việc thực hiện ba cuộc cách mạng: Cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng giải phóng giai cấp và cách mạng giải phóng con người. Ba cuộc cách mạng này vừa kết hợp chặt chẽ với nhau, lại vừa nối tiếp nhau trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam. Sự kết hợp chặt chẽ được thể hiện ở chỗ trong giải phóng dân tộc đã có

một phần giải phóng giai cấp và giải phóng con người; sự nối tiếp được thể hiện ở chỗ giải phóng dân tộc sẽ mở đường cho giải phóng giai cấp và giải phóng con người được đầy mạnh, giải phóng con người chỉ thực sự hoàn toàn khi giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

Theo Hồ Chí Minh, con người không chỉ được giải phóng về mặt xã hội mà điều chủ yếu và cuối cùng là giải phóng, phát triển toàn diện, được tạo điều kiện thể hiện mọi khả năng tốt đẹp của mình. Bản chất sâu xa, lớn lao trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là tất cả mọi hành động đều xuất phát từ con người và cuối cùng đều vì sự phát triển của con người.

Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, đó là lòng yêu thương vô hạn đối với con người, nhất là những người bị áp bức, những người cùng khổ. Trong phạm vi đất nước Việt Nam cũng như trên toàn thế giới, tình cảm và khát vọng giải phóng của Hồ Chí Minh đều hướng về quần chúng lao động, bộ phận đông đảo nhất, động lực chủ đạo nhất của mọi sự biến đổi lịch sử. Điều đó chứng tỏ tình yêu thương con người ở Hồ Chí Minh không mang tính thần bí, phi giai cấp mà bao giờ cũng có nội hàm xã hội - giai cấp rõ ràng. Để giải phóng nhân dân Việt Nam khỏi ách thực dân đô hộ và xây dựng đất nước, ngay từ năm 1925 Nguyễn Ái Quốc đã khuyên dân mình “hãy thương yêu nhau, cùng nhau đoàn kết”². Trước đó, lòng yêu thương con người chính là động lực để người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước để “giúp đồng bào mình” thoát khỏi “kiếp ngựa

trâu”³. Cũng chính tình yêu thương vô hạn này giúp Hồ Chí Minh vượt qua bao khó khăn, gian khổ, hiểm nguy để đấu tranh cho độc lập, tự do cho dân tộc và nhân dân mình. Và khi là lãnh tụ của nhân dân, tình yêu thương này chính là điều thiêng liêng để mỗi khi nhân dân nhắc đến Bác Hồ, Già Hồ, Cụ Hồ là thấy tin tưởng, ấm lòng.

Thứ hai, lòng tin đối với con người, tin vào phẩm giá, năng lực của con người. Ngay từ năm 1921, khi nước nhà đang trong cảnh lâm than, nô lệ; khi ngay cả những nhà mác-xít vẫn cho rằng công cuộc giải phóng giai cấp, dân tộc chỉ có thể được tiến hành và thành công ở các nước phương Tây, Nguyễn Ái Quốc vẫn khẳng định: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”⁴. Và Người cũng khẳng định: “Chủ nghĩa Cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu”⁵. Những nhận định này đều xuất phát từ sự tin tưởng và lòng tin tuyệt đối của Hồ Chí Minh vào khả năng và sức mạnh của con người. Trong kháng chiến, niềm tin: “kháng chiến nhất định thắng lợi”, xuất hiện gần 100 lần trong các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh, có sức nặng hơn cả hàng vạn lời hiệu triệu nhân dân, càng củng cố thêm sự nhất quán trong cách nhìn của Hồ Chí Minh về con người.

Thứ ba, trân trọng, coi trọng con người. Trong *Di chúc* để lại cho muôn đời sau, năm 1968, Hồ Chí Minh đã bổ sung thêm: “Đầu tiên là công việc đối với con người”⁶ để thấy Người rất coi trọng yếu tố con người. Để xây dựng nền văn hóa dân tộc, yếu tố quan trọng của một xã hội tốt đẹp, Hồ Chí Minh coi yếu tố tâm lý con người là số một, sau đó mới đến xây dựng luân lý, xây dựng xã hội, xây dựng chính trị, xây dựng kinh tế⁷, coi trọng tâm tư, ước vọng, nhu cầu của con người. Với cương vị là người đứng đầu Đảng, Nhà nước, Hồ Chí Minh luôn thể hiện tinh thần này bằng sự trân trọng, coi trọng ý kiến và nguyện vọng của nhân dân. Khi nói về cách lãnh đạo trong *Sửa đổi lối làm việc*, Người nói: “Dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng.

Vì vậy, chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng.

Vì vậy, mỗi một khẩu hiệu, mỗi một công tác, mỗi một chính sách của chúng ta, phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng, phải nghe theo nguyện vọng của dân chúng...

... Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được.

Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên.”⁸

Thứ tư, bằng mọi nỗ lực mang lại những điều tốt đẹp nhất cho con người. Điều này được thể hiện rõ nét trong nỗ lực giải phóng con người khỏi áp bức, nô lệ, nghèo khổ, lâm than, đem độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc cho con người. Đó là lý tưởng kiên định suốt đời của Hồ Chí Minh: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁹. Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của mọi cuộc cách mạng. Từ ngày còn là học sinh trung học cho đến sau này là Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng, mục đích của Người luôn là đem lại những điều tốt đẹp nhất cho dân, cho nước. Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xét đến cùng là nhằm vào giải phóng con người một cách toàn diện.

Thứ năm, chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng con người, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển tư tưởng của Quán Trọng thời Xuân Thu: “Thập niên thụ mộc, bách niên thụ nhân” thành tư tưởng “trồng người” mang tầm chiến lược: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Người coi: “Đó là một trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang”¹⁰. Hồ Chí Minh chỉ rõ lợi ích lâu dài của việc giáo dục, đào tạo con người và sự cần thiết phải giáo dục, đào tạo những con người mới cho xã hội, bao gồm cả đức, trí, thể, mỹ.

Không chỉ quan tâm đến việc “trồng người”, trong thực tế, Hồ Chí Minh còn quan tâm đến việc dùng người và là mẫu mực của chính sách sử dụng người tài cho đất nước. Phương châm hoạt động Hồ Chí Minh quán triệt suốt đời: “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”¹¹, vì vậy, ở đâu, Người cũng quan tâm, chăm sóc đội ngũ cán bộ làm nòng cốt và chỉ đạo phong trào,

các tầng lớp nhân dân. Muốn sử dụng đúng cán bộ, phải đánh giá đúng con người, sắp xếp họ vào đúng công việc, phát huy tối ưu giá trị bản thân từng người. Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về chính sách dùng người, từ trí thức đến công nông, từ người già đến người trẻ, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, đặc biệt chú ý tới người tài (lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng Việt Nam, tháng 11 - 1945 Bác viết bài *Nhân tài và kiến quốc*, tháng 11 - 1946 Bác ban hành công văn *Tìm người tài đức* về sau được gọi là *Chiếu cầu hiền tài*). Mỗi người phải tự kiến tạo thành một hệ giá trị và cả xã hội có trách nhiệm phát huy tác dụng của hệ giá trị bản thân của mọi người - đó là nguồn tài nguyên vô tận giữ vai trò hàng đầu tạo nên của cải, phúc lợi xã hội. Ta có thể thấy quan điểm này của Người khi nói về: “Cách huấn luyện quân sự của Khổng Minh”. Người nói: “Trong bộ đội có nhiều người khác nhau, phải dùng tài năng từng người, những người đi giỏi làm giao thông, những người cần thận làm trinh thám, những người gan góc dùng cầm làm xung phong, những người bắn giỏi thì dùng ra trận. Dùng đúng tài năng thì thành công; dùng sai tài năng thì hỏng việc (đoạn này chỉ dịch theo ý)”¹².

Trong chiến lược “trồng người”, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Người coi thế hệ trẻ là “mùa xuân của xã hội”¹³, là tương lai của nước nhà, nên phải chú ý đào tạo, bồi dưỡng họ thành những người vừa “hồng”, vừa “chuyên”- đây chính là nguồn chủ yếu của những người tài đức sau này. Muốn có người tài đức, thì theo Người, Đảng và Chính phủ cần quan tâm đến giáo dục, thấy rõ lợi ích và đầu tư cho giáo dục một cách xứng đáng.

2. Vận dụng tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực hiện nay

2.1. Chất lượng nguồn nhân lực hiện nay - những vấn đề đặt ra

Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 dự báo sẽ làm thay đổi toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý và quản trị trên toàn thế giới, tác động mạnh mẽ tới mọi mặt đời sống, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tạo ra nền kinh tế số. Cũng như các quốc gia trên thế giới, Việt Nam đang tập trung phát triển kinh tế số và ứng dụng các thành tựu công nghệ của Cuộc cách mạng

Công nghiệp lần thứ 4. Điều này tạo cơ hội công ăn việc làm mới, tăng năng suất lao động... Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra thách thức về chất lượng lao động và khả năng người lao động bị thay thế bởi các thiết bị tinh vi hơn như robot, máy móc, trí tuệ nhân tạo...

Việt Nam là nước có quy mô dân số lớn, tháp dân số tương đối trẻ và bắt đầu bước vào thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” với nguồn nhân lực dồi dào nhất từ trước đến nay. Tính đến ngày 31 - 12 - 2019, dân số Việt Nam ước tính là 96.880.645 người, tăng 876.473 người so với dân số 95.987.800 người năm trước. Năm 2019, tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên là dương vì số người sinh nhiều hơn số người chết đến 979.134 người, do tình trạng di cư dân số giảm -102.661 người. Tỷ lệ giới tính trong tổng dân số là 0,996 (996 nam trên 1.000 nữ) cao hơn tỷ lệ giới tính toàn cầu¹⁴. Gia tăng dân số trong những năm qua kéo theo gia tăng về lực lượng lao động. Nhìn chung, mỗi năm Việt Nam có khoảng gần 1 triệu người bước vào độ tuổi lao động, đây là một lợi thế cạnh tranh quan trọng của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế, từ bối cảnh trong nước, quá trình phát triển nguồn nhân lực Việt Nam cần phải có năng lực thích ứng với tình trạng nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm và sự sụt giảm các nguồn đầu tư tài chính; phải được đào tạo đầy đủ và toàn diện để có khả năng cạnh tranh và tham gia lao động ở nước ngoài trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời có đủ năng lực để tham gia với cộng đồng quốc tế giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu và khu vực. Bên cạnh đó, việc đào tạo nguồn nhân lực phải chú trọng phát triển theo chiều sâu, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế, tăng năng suất lao động, tiết kiệm trong sử dụng mọi nguồn lực.

Tuy nhiên, trên thực tế, nguồn nhân lực Việt Nam còn có những hạn chế sau:

Thứ nhất, thể chất của lực lượng lao động còn yếu. Về cơ bản, thể chất của người lao động Việt Nam đã được cải thiện, nhưng còn thấp so với các nước trong khu vực, thể hiện ở các khía cạnh tầm vóc, sức khoẻ, sức bền, khả năng chịu áp lực...

Thứ hai, trình độ của người lao động còn nhiều hạn chế, bất cập, do chất lượng đào tạo, cơ cấu theo ngành nghề, lĩnh vực, sự phân bố theo vùng, miền, địa phương của nguồn nhân lực chưa phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và nhu cầu của xã hội, gây lãng phí nguồn lực của Nhà nước và xã hội. Trong thời đại kinh tế số, trình độ lao động đặt ra nhiều thách thức đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, trước hết là sự thay đổi mạnh mẽ cơ cấu lao động và thị trường lao động. Hệ thống tự động hóa sẽ thay thế dần lao động thủ công trong toàn bộ nền kinh tế. Đồng thời, sự chuyển dịch từ nhân công sang máy móc sẽ gia tăng sự chênh lệch giữa lợi nhuận trên vốn và lợi nhuận với sức lao động, điều này sẽ tác động đến thu nhập của lao động giản đơn và gia tăng thất nghiệp.

Thứ ba, thiếu đội ngũ công nhân, kỹ thuật viên lành nghề để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội phát triển các ngành kinh tế chủ lực của Việt Nam. Ví dụ điển hình là ngành công nghệ thông tin. Ước tính mỗi năm, nhu cầu tuyển dụng vẫn tăng đều đặn gần 50%, trong khi thực tế với 500.000 ứng viên công nghệ thông tin ra trường chỉ có 8% đáp ứng được nhu cầu này. Thực tế này cho thấy, chất lượng nguồn lao động đặc biệt là ngành kỹ thuật hiện đang trở thành đòi hỏi bức thiết.

Thứ tư, về cơ bản đội ngũ lao động Việt Nam giỏi lý thuyết, nhưng kém về năng lực thực hành và ứng dụng công nghệ cao vào quá trình lao động, kém về ngoại ngữ và hạn chế trong việc thích nghi môi trường có áp lực cạnh tranh cao. Số lượng công việc cần lao động chất lượng cao ngày càng gia tăng, trong khi thứ hạng chỉ số lao động có chất lượng của Việt Nam còn đứng ở vị trí thấp. Theo số liệu trong Báo cáo về mức độ sẵn sàng cho nền sản xuất trong tương lai 2018 của WEF, Việt Nam xếp hạng thuộc nhóm cuối trong bảng thứ hạng về lao động có chuyên môn cao, thứ 81/100 thậm chí xếp hạng sau Thái Lan và Philippin trong nhóm các nước ASEAN. Và cũng trong báo cáo này, thứ hạng về chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam chỉ ở thứ 80/100, so với trong nhóm các nước ASEAN thì chỉ đứng trước Campuchia (92/100).

Thứ năm, khả năng làm việc theo nhóm, tính sáng tạo, chuyên nghiệp trong quá trình lao động còn

nhiều hạn chế, khả năng giao tiếp, năng lực giải quyết xung đột trong quá trình lao động còn yếu kém.

Thứ sáu, tinh thần trách nhiệm trong công việc, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công dân, văn hoá doanh nghiệp, ý thức tuân thủ kỷ luật lao động của một bộ phận đáng kể người lao động chưa cao.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ những nguyên nhân sau:

Một là, quản lý Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực còn nhiều vấn đề bất cập so với yêu cầu. Việt Nam vẫn chưa có một chiến lược phát triển nguồn nhân lực toàn diện và dài hạn, mang tầm quốc gia để định hướng các cơ quan, đoàn thể cùng phối hợp hành động.

Hai là, hệ thống giáo dục từ cấp phổ thông, đến đào tạo nghề, đại học, sau đại học là lực lượng nòng cốt trong quá trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực còn bộc lộ nhiều hạn chế, dù đã trải qua rất nhiều cải cách, đổi mới. Hệ thống các trường, nhất là những trường đào tạo về kỹ thuật còn áp dụng những công nghệ rất cũ trong công tác giảng dạy. Khi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ra đời thì các doanh nghiệp sẽ đòi hỏi họ cũng phải thay đổi, phát triển để đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Các trường đại học phải đào tạo ra nguồn nhân lực có các kỹ năng mới và trình độ giáo dục cao hơn so với những thập kỷ trước. Thực tế hiện nay, giáo dục đại học về tổng thể vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

Ba là, quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực chưa theo kịp quá trình hội nhập kinh tế, văn hoá, xã hội ngày càng sâu rộng của Việt Nam. Hệ thống giáo dục chưa bắt kịp với mô hình hệ thống giáo dục và đào tạo nhân lực phổ biến của các nước trong khu vực và thế giới. Đào tạo ngoại ngữ của Việt Nam còn nặng tính hình thức, lý thuyết nhưng lại yếu kém trong thực hành.

Bốn là, nguồn lực quốc gia và khả năng đầu tư cho phát triển nhân lực của phần lớn các gia đình còn hạn chế, chưa đáp ứng điều kiện tối thiểu để bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao.

Năm là, do tập quán, thói quen lao động của một nước vốn có điểm xuất phát là nền kinh tế tiểu nông nên việc thích ứng và hình thành tác phong công nghiệp còn nhiều hạn chế.

2.2. Một số giải pháp vận dụng tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam

Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến vấn đề con người, đào tạo, bồi dưỡng con người cho xã hội mới. Hồ Chí Minh còn đưa ra những tiêu chí về con người mới của xã hội mới. Những quan điểm của Người đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện nay, cần chú ý đến những nội dung sau:

Một là, Đảng, Nhà nước phải chủ trương coi trọng yếu tố con người, coi nguồn lực con người là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước.

Đảng, Nhà nước cần có chủ trương, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các công trình khoa học, đổi mới sáng tạo trong các trường đại học cũng như các doanh nghiệp. Thúc đẩy quá trình hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ. Cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình hoạt động và phát triển của các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, có chính sách ưu tiên tài trợ cho các tổ chức, cá nhân có công trình khoa học - công nghệ xuất sắc. Đảng, Nhà nước phải coi phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức, tránh tình trạng “chảy máu chất xám” như trong thời gian qua. Sinh thời, Hồ Chí Minh từng nói: “Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều”¹⁵, “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức. E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân”¹⁶. Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, việc bồi dưỡng, sử dụng và phát triển nhân tài chính là một trong những động lực quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển đất nước.

Hai là, tạo mối liên kết giữa các nhà trường và doanh nghiệp. Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần lí luận gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành.

Để có lực lượng lao động lành nghề, ngay từ khi còn trên ghế nhà trường, sinh viên được vừa học, vừa làm trong môi trường thực tế. Cần tập trung gắn kết hoạt động đào tạo của nhà trường với hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thông qua các mô hình liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp, hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo tại các trường gắn chặt với doanh nghiệp. Ngoài ra, có thể đẩy mạnh việc hình thành các cơ sở đào tạo trong doanh nghiệp để chia sẻ các nguồn lực chung, từ đó hai bên cùng chủ động nắm bắt và đón đầu các nhu cầu của thị trường lao động.

Ba là, đẩy mạnh cải cách giáo dục. Đây là nhiệm vụ then chốt, giải pháp chủ yếu, là quốc sách hàng đầu để phát triển nhân lực Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Cải cách giáo dục cần tập trung vào những nội dung cơ bản mà Hồ Chí Minh đã từng chú trọng như sau: Hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng mở, hội nhập, thúc đẩy phân tầng, phân luồng, khuyến khích học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, xây dựng lại chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao các kỹ năng mềm cho sinh viên; phổ cập giáo dục với chất lượng ngày càng cao. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các trường dạy nghề và đào tạo chuyên nghiệp. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng và dạy nghề trong cả nước; đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, sách giáo khoa phổ thông, khung chương trình đào tạo ở bậc đại học và giáo dục nghề nghiệp, phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp theo hướng phát huy tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu, tăng thời gian thực hành, tập trung vào những nội dung, nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ; đổi mới phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp học, bậc học. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các bậc học. Cải cách giá kết quả giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; có chính sách phù hợp đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao chất lượng nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ vào giáo dục và đào tạo.

Bốn là, đổi mới sáng tạo cơ chế quản lý nhà nước đối với dạy nghề theo nhu cầu của thị trường và yêu cầu cụ thể của người sử dụng lao động theo tinh thần

cung cấp những gì thị trường cần, chứ không phải cung cấp những gì mình có. Đây là một yêu cầu cấp thiết, tránh tình trạng thừa thãi, thiếu thốn.

Để làm được điều này, cần phải chú ý đi trước, đón đầu đào tạo những ngành nghề mà xã hội đang cần, đồng thời cập nhật xu hướng nghề nghiệp khu vực và thế giới.

Năm là, chủ động hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế là một xu hướng tất yếu khách quan và điều này cũng đòi hỏi nước ta cần có sự điều chỉnh hợp lý về chính sách, đảm bảo nguồn nhân lực dồi dào và có chất lượng cao. Để có thể hội nhập sâu hơn vào môi trường kinh doanh và phát triển quốc tế với mục tiêu phát triển bền vững nguồn nhân lực, chúng ta cần chủ động hội nhập với những định hướng cơ bản là: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về phát triển nguồn nhân lực phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam nhưng không trái với thông lệ và luật pháp quốc tế; xây dựng lộ trình nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục và đào tạo để đạt được khung trình độ quốc gia đã xây dựng, phù hợp chuẩn quốc tế và đặc thù Việt Nam; tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà giáo, nhà khoa học có tài năng và kinh nghiệm của nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào quá trình đào tạo nhân lực đại học và nghiên cứu khoa học, công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội, kêu gọi đầu tư nước ngoài, thu hút các trường đại học, dạy nghề có đẳng cấp quốc tế vào Việt Nam hoạt động.

Nhân lực là yếu tố quyết định đến thành công và tiến bộ của mỗi quốc gia, trong đó trình độ phát triển nguồn nhân lực là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ tiên bộ xã hội, công bằng và phát triển bền vững. Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đã biết phát huy tối đa nguồn nhân lực của đất nước tạo nên những thắng lợi vẻ vang bằng những quan điểm và chính sách về con người đúng đắn. Giá trị thực tiễn của tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh quy tụ ở mục đích của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp giải phóng là xây dựng một xã hội mới không còn áp bức, bóc lột, bất công; một xã hội giàu mạnh, công bằng, văn minh; với những con người mới có phẩm chất

cao đẹp, có trình độ phát triển toàn diện. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, Việt Nam khẳng định phát triển nguồn nhân lực là khâu đột phá của quá trình chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời là nền tảng phát triển bền vững và gia tăng lợi thế cạnh tranh quốc gia trong quá trình hội nhập. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để phát triển nguồn nhân lực, cần phải xây dựng tầm nhìn chiến lược phát triển tổng thể và dài hạn, mang tầm quốc gia. Đồng thời, trong mỗi giai đoạn nhất định, cần xây dựng những chương trình hành động với mục tiêu, định hướng cụ thể, trong đó phân tích, đánh giá thời cơ, thách thức, những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân để đề ra mục tiêu và giải pháp phát triển cho từng giai đoạn phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 6, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 130.
2. *Sđđ*, t. 2, tr. 503.
3. *Sđđ*, t. 13, tr. 371.
4. *Sđđ*, t. 1, tr. 48.
5. *Sđđ*, tr. 47.
6. *Sđđ*, tr. 616.
7. *Sđđ*, t. 3, tr. 458.
8. *Sđđ*, t. 5, tr. 333.
9. *Sđđ*, t. 4, tr. 187.
10. *Sđđ*, t. 11, tr. 528.
11. *Sđđ*, t. 12, tr. 672.
12. *Sđđ*, t. 5, tr. 694.
13. *Sđđ*, t. 4, tr. 194.
14. <https://danso.org/viet-nam/>, ngày 2 - 4 - 2020.
15. *Sđđ*, t. 4, tr. 114.
16. *Sđđ*, tr. 504.

Tài liệu tham khảo:

1. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI): *Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2017*.
2. Liên Hiệp quốc: *Báo cáo phát triển Chính phủ điện tử năm 2018*.
3. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI: *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 - 2020*.
4. *Chiến lược phát triển Giáo dục 2011 - 2020*, ban hành theo Quyết định số 711 ngày 13 - 6 - 2012 của Thủ tướng Chính phủ.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011.